

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được thay thế, bị bãi bỏ
lĩnh vực giáo dục tiểu học, giáo dục trung học và cơ sở giáo dục khác
thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1425/QĐ-BGDĐT ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực giáo dục tiểu học, lĩnh vực giáo dục trung học, lĩnh vực cơ sở giáo dục khác thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3376/TTr-SGDĐT ngày 04/6/2026 và Công văn số 3578/SGDĐT-VP ngày 13/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 17 thủ tục hành chính, trong đó 14 thủ tục hành chính được thay thế và 03 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm thực hiện, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu để niêm yết công khai, hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định. Xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (nếu có) trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật nội dung thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính bảo đảm kịp thời, đầy đủ, đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này hết hiệu lực kể từ ngày 01/3/2027. Trong thời gian Quyết định này có hiệu lực thi hành, các nội dung tại Quyết định trước về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo không áp dụng và được thay thế bằng nội dung công bố tại Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Các phòng, đơn vị: TTPVHCCTP, VX, Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, P.T.Dương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Minh Cường

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ VÀ BỊ BÃI BỎ
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ (14 TTHC)

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết TTHC		Địa điểm thực hiện	Phí/ lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Sau cắt giảm			
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (13 TTHC)								
A1. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC								
1	1.012958	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (Mã số TTHC: 1.012944)	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không quy định	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP
2	1.012959	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao						
3	3.000301	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật						

4	1.005008	Cho phép trường trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục (Mã số TTHC: 1.012954)	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không quy định	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP
5	3.000297	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục						
6	3.000302	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục						
7	3.000306	Thành lập, cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông						

8	1.004999	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (Mã số TTHC: 1.012955)	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không quy định	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP
9	3.000299	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao						
10	3.000304	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật						
11	1.004991	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không quy định	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP
12	3.000300	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	(Mã số TTHC: 1.012956)					
13	3.000305	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)						

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 TTHC)								
B1. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TIỂU HỌC								
1.	3.000309	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục (Mã số TTHC: 2.001842)	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu; - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.	Không quy định	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP; <i>Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP</i>
			Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục (Mã số TTHC: 1.012965)	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu; - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.	Không quy định	

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (03 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (03 TTHC)			
A1. LĨNH VỰC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC			
1.	1.004988	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
2.	3.000298	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại	
3.	3.000303	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại	